

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÙI VĂN BA
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhà Bè, ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4/2024
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Bùi Văn Ba công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Q4/2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng					
Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 4/2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0	0	0	0
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	9.248,360	4.688,400	50,53%	159,76%
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.248,360	4.688,400	50,53%	159,76%
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.248,360	4.688,400	50,53%	159,76%
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	8.920,850	4.507,820	50,53%	159,76%
	Nguồn 13	4.686,57	2.484,51	53,01%	149,89%
6000	Tiền lương	2.002,90	908,56	45,36%	200,44%
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ	258,24	67,92	26,30%	103,60%
6100	Phụ cấp lương	884,45	408,41	46,18%	106,91%
6157	Hỗ trợ đối với chính sách chi phí học tập	-	40,50	0,00%	45,45%
6250	Phúc lợi tập thể	6,00	0	0,00%	0,00%
6300	Các khoản đóng góp	641,82	251,64	39,21%	190,91%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 4/2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6400	Các khoản thanh toán cá nhân	443,30	84,49	19,06%	72,28%
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	135,80	70,72	52,08%	300,04%
6550	Vật tư văn phòng	70,00	0	0,00%	0,00%
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	49,96	8,96	17,93%	114,72%
6700	Công tác phí	35,00	5,70	16,29%	82,61%
6750	Chi phí thuê mướn	29,60	7,88	26,62%	107,95%
6900	Sửa chữa, duy tu TSPVCTCM và công trình	50,00	8,78	17,56%	297,63%
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	60,50	1,5	2,48%	100,00%
7750	Chi khác	19,00	0,33	1,74%	91,67%
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị	-	619,12	0,00%	162,20%
	Nguồn 14	4.234,28	2.023,31	56,66%	173,82%
6000	Tiền lương	374,92	-	0,00%	0,00%
6100	Phụ cấp lương	181,31	-	0,00%	0,00%
6300	Các khoản đóng góp	107,05	-	0,00%	0,00%
	Chi thường xuyên từ nguồn CCTL	3.571,00	2.023,31	56,66%	173,82%
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	327,51	180,58	0,55137248	0,00%
6112	Các khoản thanh toán cá nhân	327,51	180,58	55,14%	135,60%
II	Nguồn vốn viện trợ				
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Phước